

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 127

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở bò, hành tây, củ cải, rau xà lách xoắn, húng quế, hành lá
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá chẽm sốt chanh dây, hành lá ngò rí
- Củ từ nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
- Cải ngọt luộc
Xế: Chuối cau
Xế chiều: Nui sao nấu tôm tươi, bí ngòi, nấm đùi gà, cải bó xôi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,400	3,880	54,320
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	800	4,180	33,440
5	0523	Nước mắm loại I	1,000	5,940	59,400
6	0004	Gạo tẻ máy	7,200	2,560	184,320
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	5,360	24,120
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
10	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
11	0645	Bánh phở khô	2,200	8,800	193,600
12	0286	Thịt bò loại II	1,300	36,750	477,750
13	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
14	0103	Củ cải trắng	600	2,730	16,380
15	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
16	0172	Rau xà lách	300	5,460	16,380
17	0662	Chanh dây	500	4,520	22,600
18	0727	Cá chẽm	6,600	22,050	1,455,300
19	0030	Củ từ (khoai từ)	3,100	4,940	153,140
20	N0770	Thịt nạc dăm	1,000	18,800	188,000
21	0747	Chuối cau	7,500	2,680	201,000
22	0190	Cải ngọt	1,100	4,830	53,130
23	0750	Nui	2,500	7,370	184,250
24	0424	Tôm sú	1,400	30,980	433,720
25	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	600	6,090	36,540
26	N0779	Cải bó xôi	400	8,510	34,040

27	0635	Nấm đùi gà	300	9,560	28,680
28	N0850	Mỡ heo sống	500	10,300	51,500
29	0457	Sữa bột toàn phần	3,161.63	20,500	648,134
Tổng cộng					4,698,999

Tổng tiền thực phẩm	4,698,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,699,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	90,539,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	90,539,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan